TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH BÀ RỊA-VNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 167/2024/QĐST-VHNGĐ	*M, ngày 13 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÀ RỊA-VNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Thái Phong V, sinh năm 1985; HKTT: Tổ X, thôn L, xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu; Chỗ ở hiện tại: Số S đường I, phường Y, thành phố U, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.
- Bà Lê Thị B, sinh năm 1986; HKTT: Tổ X, thôn L, xã T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Thái Phong V và bà Lê Thị B tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tân Thành , tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu vào ngày 03/8/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại tòa, ông V, bà Thuận đều khẳng định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc ông V, bà Thuận thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Ông Thái Phong V và bà Lê Thị B có 02 con chung tên Thái Hoàng K, sinh ngày 04/10/2010 và Thái Hoàng A, sinh ngày 13/01/2019. Sau khi ly hôn, bà Thuận tiếp tục nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng (18 tuổi).

Ông V cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng/con đến khi con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2024.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Thái Phong V và bà Lê Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Thái Phong V và bà Lê Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Phong V và bà Lê Thị B thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Thái Phong V và bà Lê Thị B có 02 con chung tên Thái Hoàng K, sinh ngày 04/10/2010 và Thái Hoàng A, sinh ngày 13/01/2019. Sau khi ly hôn, bà Thuận trực tiếp nuôi 02 con đến tuổi trưởng (18 tuổi). Ông V cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng/con đến khi con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Thái Phong V được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí: Ông Thái Phong V và bà Lê Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003655 ngày 28/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. M;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS tx. M
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thảo Nguyên